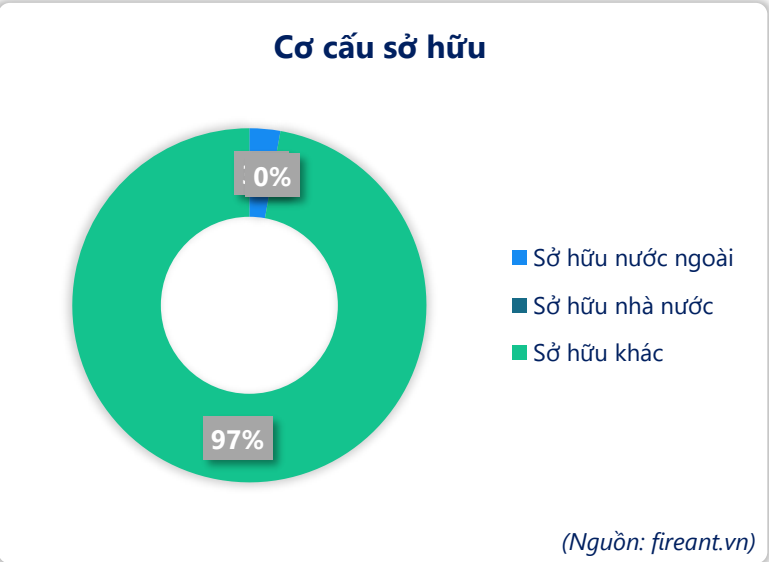
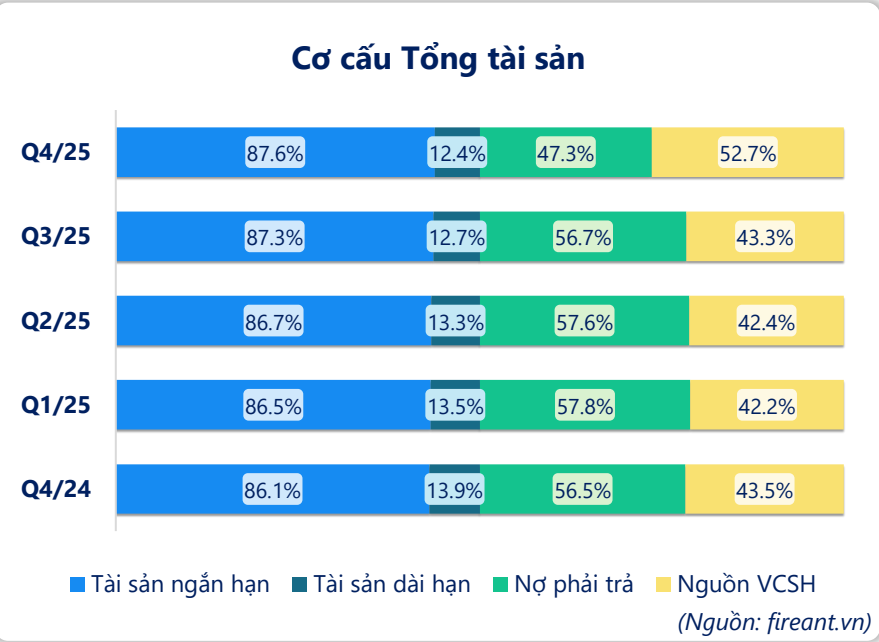
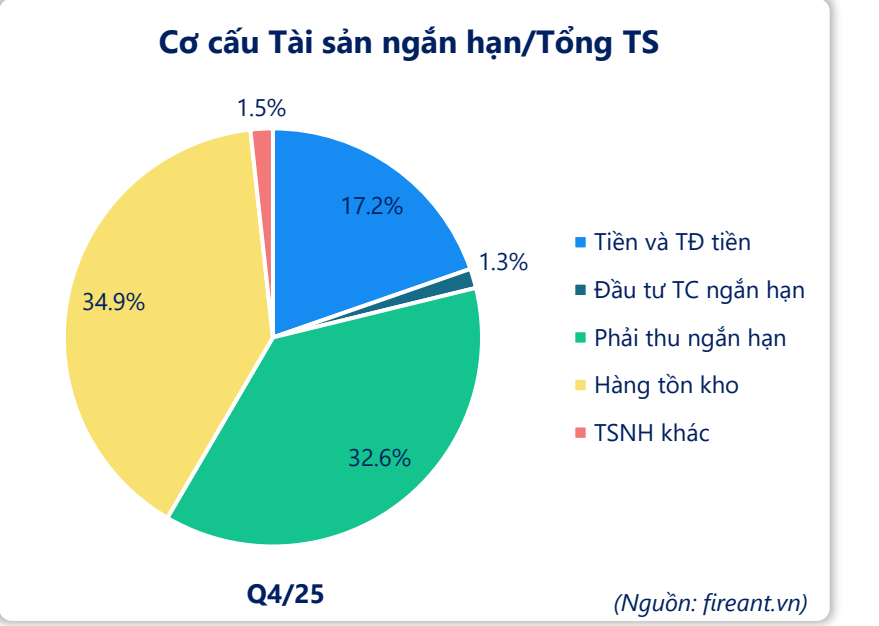
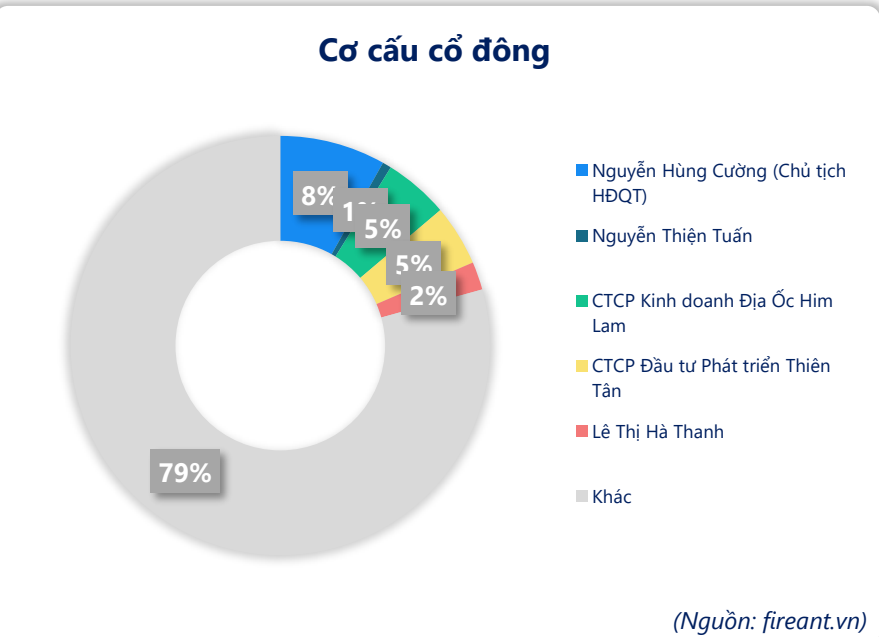
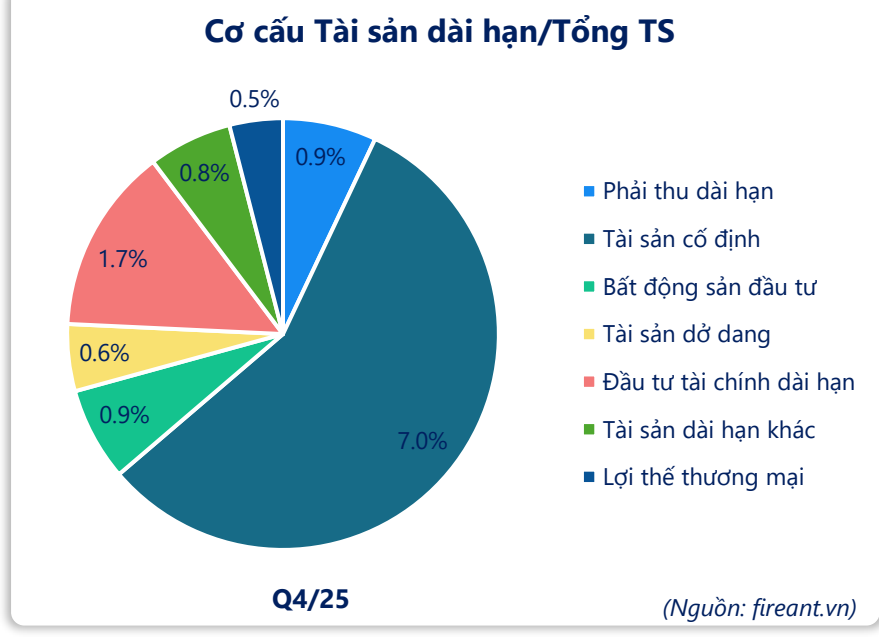
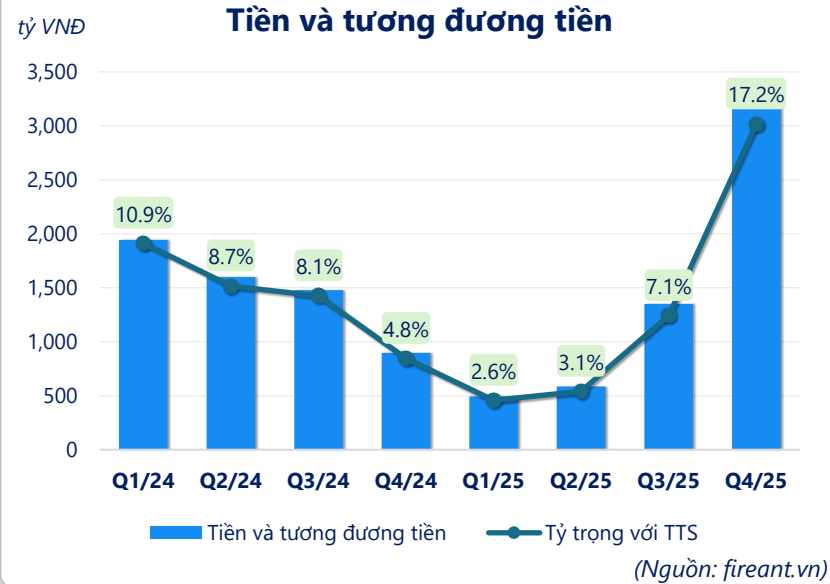
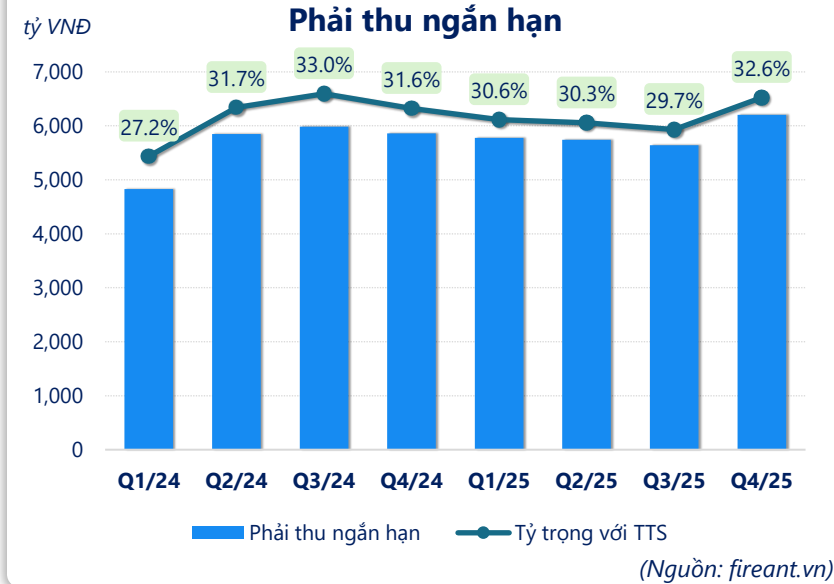
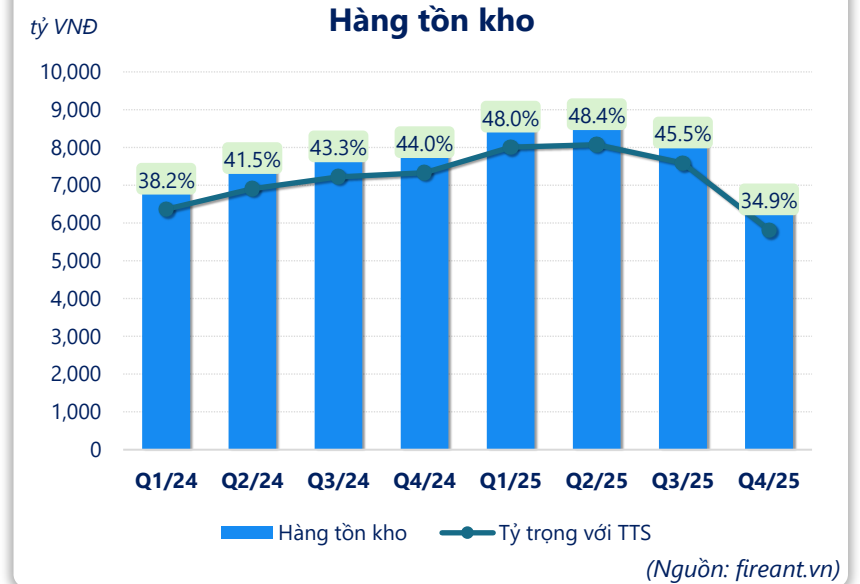
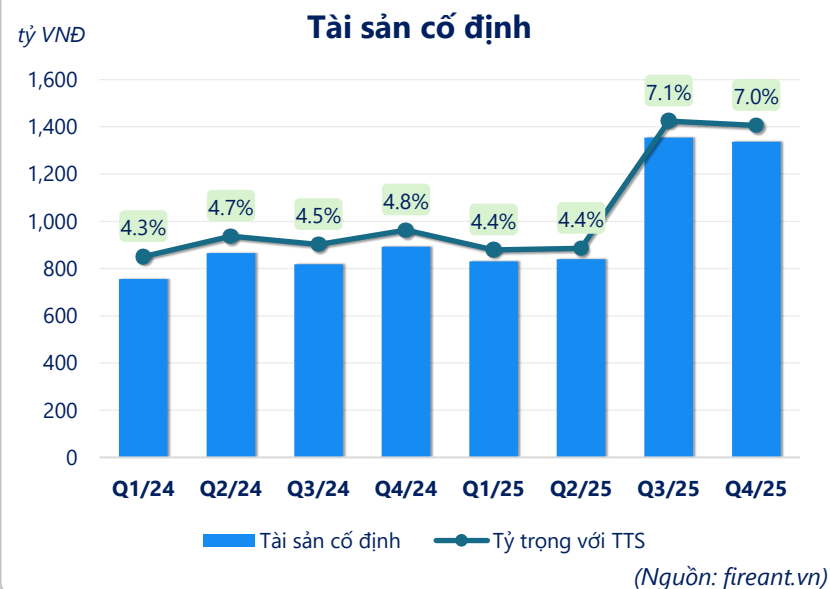
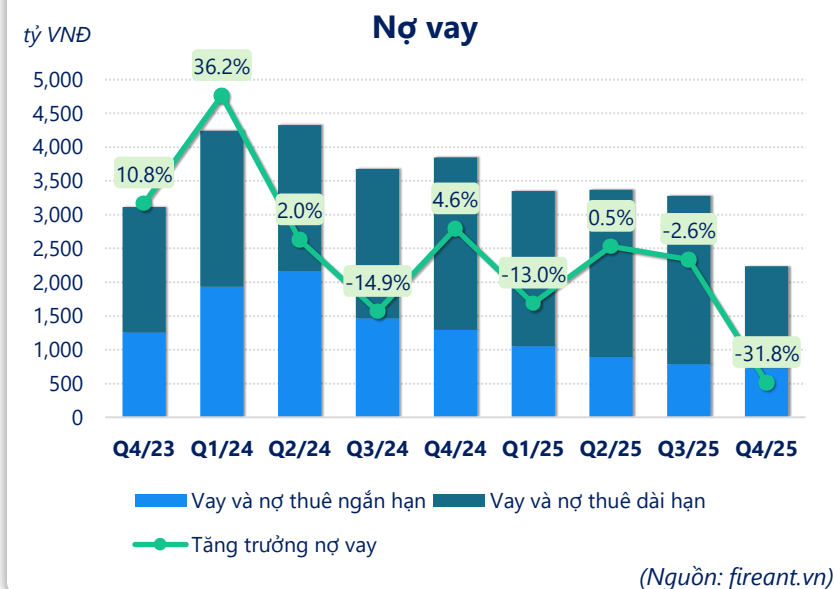
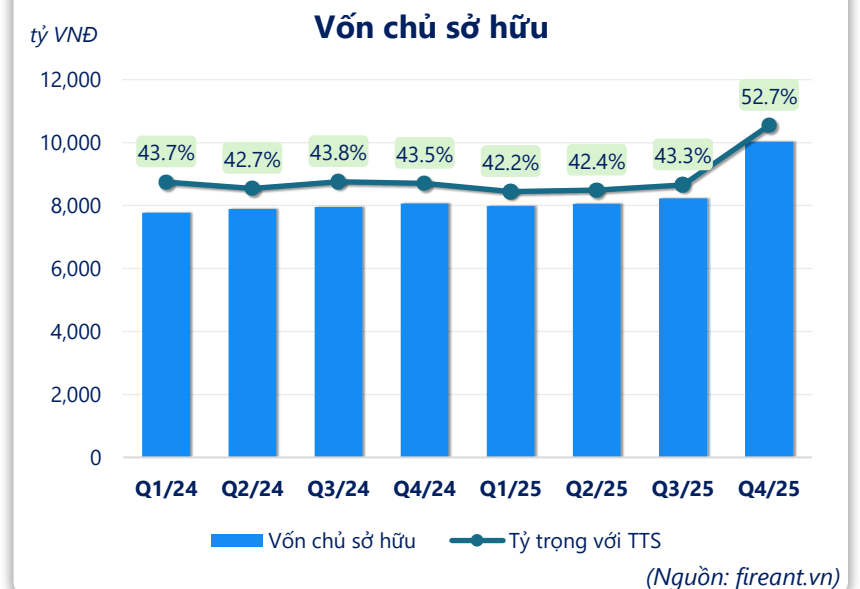
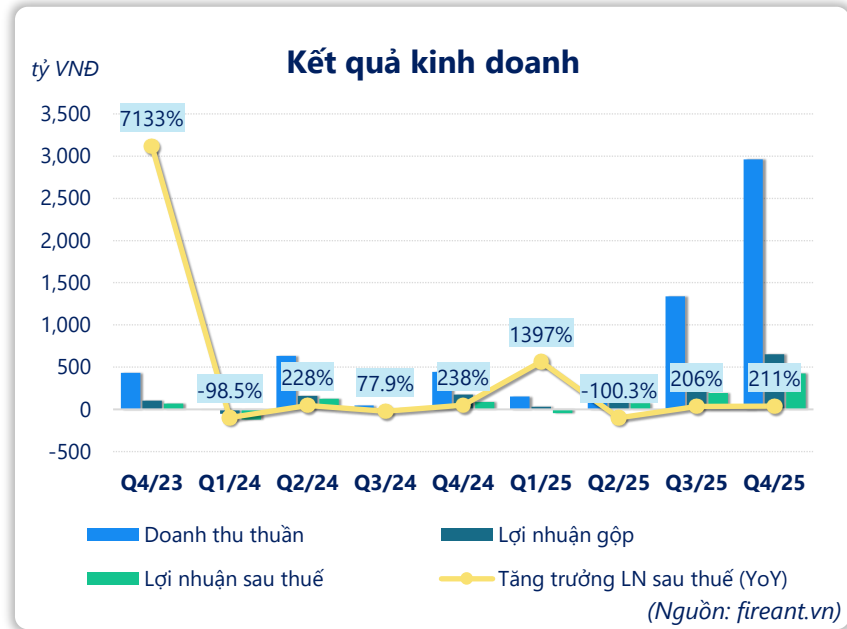
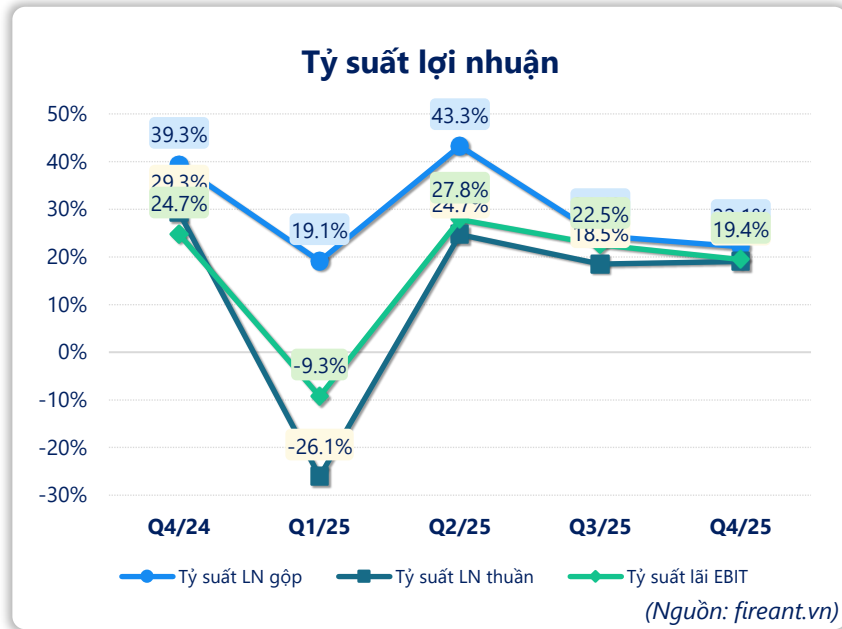
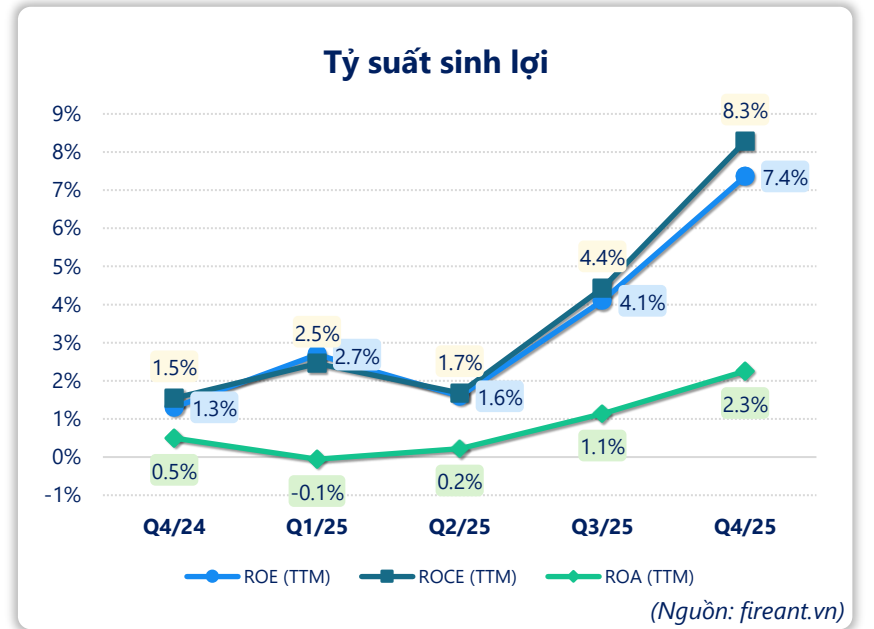
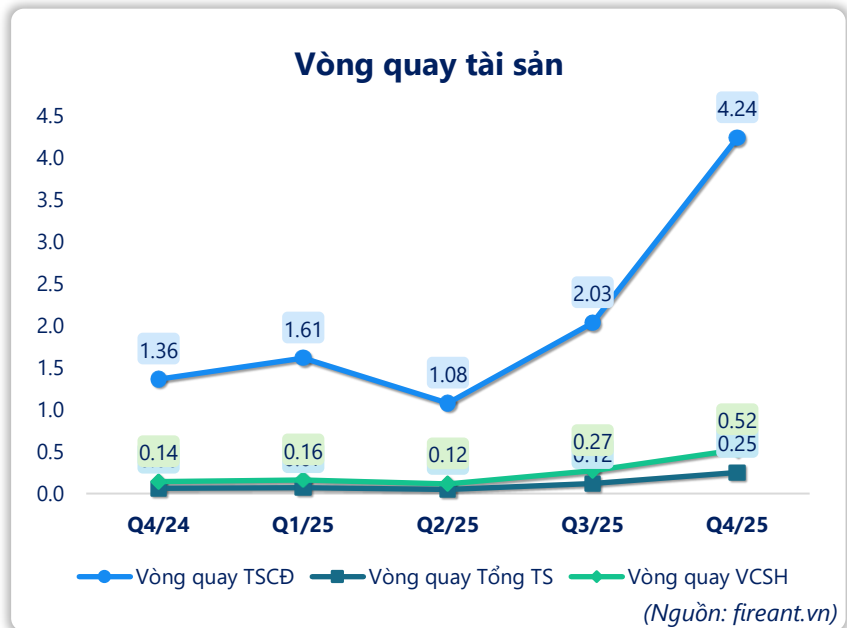
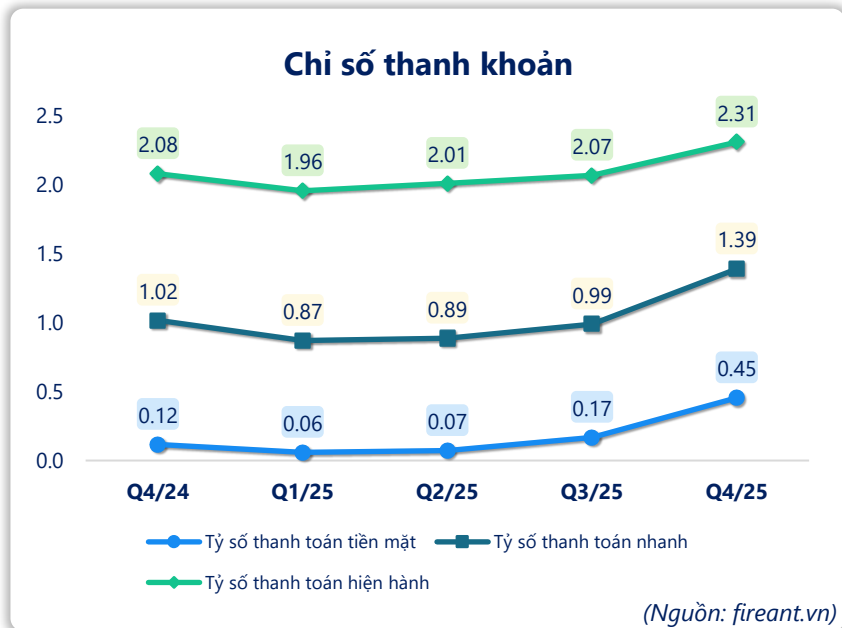
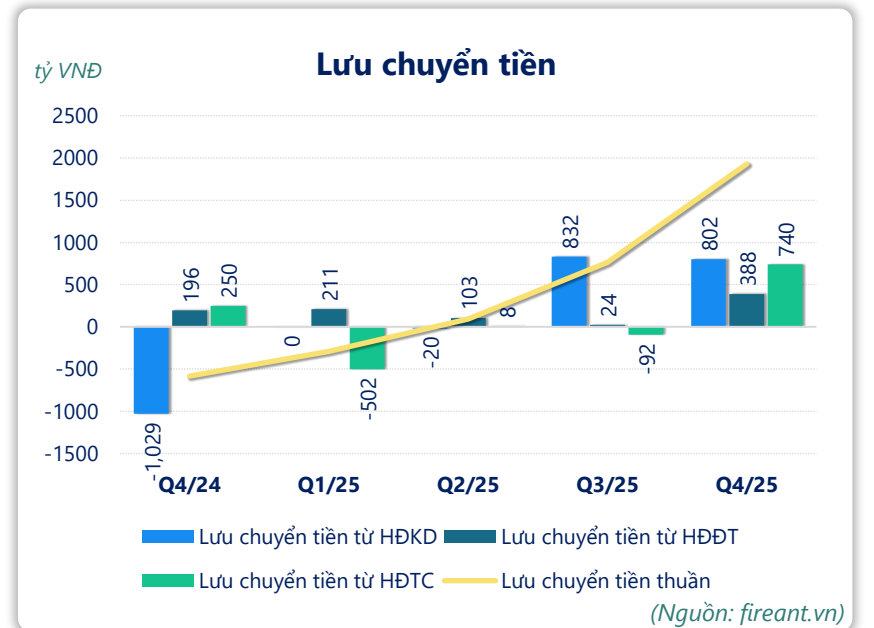


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,278
SL cổ phiếu LH		796,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,495,920
% sở hữu nước ngoài		2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,340
P/E		20.0
EPS		836

	YTD	1T	3T	6T
DIG	0.4%	-19.5%	-17.1%	-1.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,018	18,539	2.6%
Tài sản ngắn hạn	16,661	15,986	4.2%
Tiền và tương đương tiền	3,279	785	318%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	251	896	-72.0%
Phải thu ngắn hạn	6,205	5,944	4.4%
Hàng tồn kho	6,639	8,155	-18.6%
Tài sản ngắn hạn khác	287	206	39.1%
Tài sản dài hạn	2,357	2,554	-7.7%
Phải thu dài hạn	166	950	-82.6%
Tài sản cố định	1,337	842	58.7%
Bất động sản đầu tư	165	159	3.9%
Tài sản dở dang	118	96.6	22.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	329	329	0.2%
Tài sản dài hạn khác	148	64.7	129%
Lợi thế thương mại	94.3	113	-16.4%
Nợ phải trả	8,989	10,498	-14.4%
Nợ ngắn hạn	7,215	7,962	-9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	723	1,573	-54.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	529	511	3.6%
Nợ dài hạn	1,774	2,536	-30.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,514	2,277	-33.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,029	8,041	24.7%
Vốn chủ sở hữu	10,029	8,041	24.7%
Vốn điều lệ	7,964	6,099	30.6%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	446	153	272	1,339	2,960
Giá vốn hàng bán	270	124	154	1,013	2,306
Lợi nhuận gộp	175	29.2	118	327	654
Doanh thu HĐTC	65.4	32.1	2.14	2.89	16.7
Chi phí TC	49.3	23.6	0.51	50.0	25.7
Chi phí lãi vay	-12.7	22.8	0.60	44.1	29.7
LN trong công ty LKLD	-2.35	-24.5	13.8	23.1	-1.33
Chi phí bán hàng	3.43	8.80	17.6	10.9	22.6
Chi phí QLDN	55.0	44.2	48.4	44.0	57.9
LN thuần từ HĐKD	131	-39.8	67.3	248	563
Lợi nhuận khác	-7.70	2.86	7.92	10.0	-18.2
LN trước thuế	123	-37.0	75.2	258	545
Lợi nhuận sau thuế	87.2	-45.4	73.5	193	424
LNST của CĐ cty mẹ	88.7	-10.1	41.5	211	423

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,029	-0.28	-20.4	832	802
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	196	211	103	24.0	388
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	250	-502	8.42	-92.5	740
Tiền đầu kỳ	1,479	785	495	586	1,349
Lưu chuyển tiền thuần	-583	-291	91.0	764	1,930
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	895	495	586	1,349	3,279

(Nguồn: fireant.vn)